

Bản án số: 20/2023/HSST
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ánh D

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đào Xuân Hải.

2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ – Kiểm sát viên .

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28 /2023/HSST- QĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

- **Họ và tên:** Nguyễn Văn K- **sinh năm 1979;**

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú thôn T, xã H, huyện T, tỉnh V;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

- Họ và tên cha: Nguyễn Văn H (đã chết);

- Họ và tên mẹ: Phạm Thị C- sinh năm 1941;

- Vợ: Nguyễn Thị Hải Y- sinh năm 1979;

- Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2007;

- Gia đình bị cáo có 07 chị em, bị cáo là con thứ bảy;

- Tiền án, tiền sự: Chưa.
- Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
 - Anh Giáp Văn T, sinh năm 1989(Vắng mặt)
- Đều trú tại thôn T, xã , huyện T, tỉnh B.

* Người đại diện theo ủy quyền của anh Giáp Văn T:

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989(Vắng mặt)
- Trú tại thôn T, xã , huyện T, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Văn C, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh V;
Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam N
Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện H, tỉnh N.
- Anh Trần Văn D, sinh năm 1996(Vắng mặt)
Nơi ĐKKHKT: thôn L, xã Y, huyện T, tỉnh V.
Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam N
Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện H, tỉnh N.
- Chị Ngô Thị Ngọc L- sinh năm 2000(Vắng mặt)
Trú tại thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh V.
- Anh Đoàn Thanh H- sinh năm 1989(Vắng mặt),
Trú tại P, xã N, huyện V, tỉnh B
- Anh Trần Văn S, sinh năm 1969(Vắng mặt)
Trú tại: thôn L, xã Y, huyện T, tỉnh V;
- Anh Nguyễn Văn S, 1961(Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1979(Có mặt)
Đều Trú tại: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh V.
- Ông Lê Xuân Y, sinh năm 1956(Vắng mặt)
Trú tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh V.

*** Người làm chứng :**

- Chị Lưu Thị P, sinh năm 1986(Vắng mặt)
Trú tại: Số 68, ngõ 38, phố T, phường L, quận L, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giao hàng kém chất lượng để lấy tiền nên ngày 14/02/2022, Lê Văn C- sinh năm 1986, trú tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh V sử dụng tài khoản tên “Nguyễn Thị N” truy cập mạng xã hội

Facebook thì thấy có tài khoản “C” của chị Nguyễn Thị C- sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã , huyện T, tỉnh B đăng bài viết về việc có nhu cầu mở cửa hàng tạp hóa và để lại số điện thoại. Sau đó, C sử dụng sim số điện thoại không đăng ký tên chính chủ gọi cho chị C để tiếp thị chào hàng các mặt hàng gia dụng và hẹn đến cửa hàng của chị C để tư vấn trực tiếp, giới thiệu các mặt hàng. Buổi sáng ngày 14/02/2022, C gọi điện thoại cho Trần Văn D- sinh năm 1996, trú tại thôn L, xã Y, huyện V, V; Nguyễn Văn K- sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã H, huyện T, V cùng đi B giao hàng. C và D đã có sự bàn bạc từ trước về phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giao bán hàng tạp hoá kém chất lượng, kèm theo các chương trình khuyến mại. Sau đó, D điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 88H - 012.38 của D chở một số mặt hàng tạp hóa đi đến nhà C ở thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh V đón C và K cùng đi. Trên đường đi C lái xe và liên lạc với chị C để nhờ chỉ đường. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày 14/02/2022 thì đến đoạn đường thuộc thôn Thượng, xã Cao Xá, huyện Tân Yên cách nhà chị C khoảng 100 mét, C xuống xe một mình đi bộ vào nhà chị C, còn D và K di chuyển xe đi ra khu vực khác cách xa cửa hàng chờ. C vào cửa hàng thì thấy đóng cửa, C gọi điện thoại và chờ 15 phút thì chị C mới về, C giới thiệu với chị C, C tên là “L” làm ở công ty M có địa chỉ: phường D, thành phố B. C giới thiệu Công ty phân phối đầy đủ tất cả các mặt hàng tạp hóa, tiêu dùng, mỹ phẩm. Chị C có nhu cầu nhập khoảng 50.000.000 đồng tiền hàng để bán, C đưa ra các gói khuyến mãi gồm: tặng 03 bộ kệ, giá để hàng, tủ đông, tiền trưng bày sản phẩm là 1.800.000 đồng/01 tháng. C nói với chị C là chương trình khuyến mãi chỉ áp dụng trong ngày 14/02/2022 và yêu cầu chị C nộp luôn số tiền 50.000.000 đồng để được nhận khuyến mãi, chị Chính đồng ý, C hẹn sẽ cho người đến giao các mặt hàng để trưng bày vào buổi chiều cùng ngày, sau khi chị C làm xong cửa hàng sẽ giao đủ số hàng theo yêu cầu. C viết các nội dung khuyến mãi và kê các hàng hóa trưng bày vào sổ của chị C, C giữ sổ này. Do chị C không có nhu cầu mua các mặt hàng dầu gội đầu, bàn chải đánh răng nên C nói để lại các mặt hàng này để trưng bày và hẹn sẽ giao cho chị C các mặt hàng theo yêu cầu và vật phẩm khuyến mãi. Sau đó, C đi bộ ra khỏi nhà chị C gọi điện thoại D và K quay lại đón, lên xe C nói “Nó đồng ý lấy hàng rồi, giờ đi làm hoá đơn với thuê xe”. Lúc này K cũng ở trên xe, nghe C nói như vậy nên K biết việc C và D dùng thủ đoạn giao hàng tạp hóa kém chất lượng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng K không nói gì và tiếp tục ngồi trên xe ô tô đi thực hiện hành vi phạm tội cùng C và D. Đi được khoảng 10km thì thấy có cửa hàng phô tô C đỗ xe lại, D xuống xe để vào làm “Phiếu giao nhận và thanh toán” mang tên TNHH DVTM Minh Thành địa chỉ ở thành phố Bắc Giang, trên phiếu kê các mặt hàng với tổng trị giá tiền là 49.950.000 đồng. Khi làm hóa đơn kê hàng cho chị C thì K biết được sẽ cùng với C, D tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của chị C để kiếm lợi nhuận vì K biết C, D không có công ty, không có cơ sở kinh doanh nào nên không có chức năng xuất hóa đơn nhưng C, D vẫn làm hóa đơn để tạo lòng tin cho chị C để chị C lấy hàng. Tiếp đó, C, D và K

tiếp tục đi tìm thuê xe ô tô tải, thấy có xe ô tô tải của anh Đoàn Thanh H- sinh năm 1989, trú tại P, xã N, huyện V, tỉnh B đỗ ở ven đường; C thuê anh H chở hàng về xã Cao Xá, huyện Tân Yên, Bắc Giang với giá 400.000 đồng. C đỗ xe ô tô tải 88H-012.38 của D tại ven đường và bốc dỡ hàng xuống để ở lề đường, sau đó C đánh xe ô tô đi khoảng 02km, D và K đứng chờ xe ô tô của anh H cùng hàng dỡ xuống từ trước, sau đó anh H lái xe ô tô tải đến bốc hàng lên xe và chở đến giao cho chị C. Khi đến nhà chị C, D nói là nhân viên giao hàng chỗ anh Lâm, chị C mở cửa để D và K cùng anh H bốc dỡ hàng vào nhà. Sau đó, chị C đưa cho D số tiền 49.950.000 đồng theo như trong hóa đơn, D đưa lại cho chị C 50.000 đồng và nói là chị buôn bán lấy may. Sau đó D và K yêu cầu anh H đưa quay lại vị trí bốc hàng ban đầu và trả cho anh H số tiền 400.000 đồng, sau đó C đến đón D và đi về Vĩnh Phúc. Số tiền chiếm đoạt được của chị C sau khi trừ các chi phí đi thì chia D và C mỗi người được khoảng hơn 10.000.000 đồng và K được số tiền 8.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của chị C thì K đã ăn tiêu cá nhân hết (BL 26- 33, 52- 75).

Ngày 24/3/2022, chị Nguyễn Thị C có đơn trình báo về việc ngày 14/02/2022, chị C bị một nhóm đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 49.900.000 đồng. Cùng ngày 24/3/2022, chị C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên những vật chứng sau:

- 04 ảnh liên quan đến việc chị C bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 14/02/2022.
- 03 thùng dầu gội đầu nhãn hiệu Clear, trong mỗi thùng có 720 gói dầu gội loại 6g.
- 03 thùng dầu gội đầu nhãn hiệu Sunsilk, trong mỗi thùng có 720 gói dầu gội loại 6g.
- 02 thùng dầu gội đầu nhãn hiệu Lifeboy, trong mỗi thùng có 720 gói dầu gội loại 6g.
- 02 thùng bàn chải đánh răng người lớn nhãn hiệu PIH, trong mỗi thùng có 720 chiếc bàn chải.
- 02 thùng bàn chải đánh răng trẻ em nhãn hiệu PIH, trong mỗi thùng có 720 chiếc bàn chải.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Lê Văn C, Trần Văn D, Nguyễn Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong quá trình điều tra K đã bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 15/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Yên ra Quyết định tách vụ án, tách hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Nguyễn Văn K ra khỏi hồ sơ vụ án, đồng thời ra Quyết định truy nã số 05 ngày 15/6/2022 đối với Nguyễn Văn K. Ngày 20/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Yên bắt được Nguyễn Văn K theo quyết định truy nã. Quá trình bắt người bị truy nã đã tạm

giữ của K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, số IMEI: 353338071877606, gắn sim số 0869.679.677, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng (BL 11).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Qua điều tra xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, số IMEI: 353338071877606, gắn sim số 0869.679.677 là tài sản của K, không liên quan đến việc phạm tội.

Đối với chiếc điện thoại của Nguyễn Văn K mà Lê Văn C liên lạc với nhau, rủ nhau chiếm đoạt tài sản K đã đánh rơi mất, K không xác định được rơi ở vị trí nào nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại này.

Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai gắn biển kiểm soát 88H - 012.38. Quá trình điều tra xác định là tài sản chung của Trần Văn D và vợ là chị Ngô Thị Ngọc L- sinh năm 2000, trú tại thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh V. Chị L không biết việc D sử dụng chiếc xe ô tô này đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Chị L không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra xác định hàng hóa mà các bị can C, D, K sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 14/02/2022 là hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ do D mua của người không quen biết bán hàng rong tại khu vực chợ ở thị trấn T, huyện V, tỉnh V. Do không biết tên, tuổi, địa chỉ của người bán hàng này nên Cơ quan điều tra không xác định được người bán số hàng hóa cho D là ai, ở đâu.

Anh Đoàn Thanh H là người chở hàng thuê đến nhà chị Nguyễn Thị C ngày 14/02/2022 nhưng anh H không biết việc Lê Văn C, Trần Văn D và Nguyễn Văn K lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị C nên anh Đoàn Thanh H không vi phạm pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Lê Văn C, Trần Văn D; Vật chứng do chị Nguyễn Thị C giao nộp vào ngày 24/3/2022 và chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 88H- 012.38 đã được Tòa án nhân huyện Tân Yên đưa ra xét xử tuyên bằng Bản án số 65/2022/HS-ST ngày 09/8/2022 và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tuyên bằng Bản án hình sự phúc thẩm số 171/2022/HSPT ngày 30/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 28/3/2022, gia đình Lê Văn C, Trần Văn D, Nguyễn Văn K đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị C số tiền 49.900.000 đồng, đến nay chị C không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn K.

Bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS, ngày 01/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố Nguyễn Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 174, điểm b điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 12 tháng đến 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/12/2022.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

* Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 03 Điều 106 BLTTHS:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, số IMEI: 353338071877606, gắn sim số 0869.679.677. điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Văn K nói lời sau cùng: Bị cáo thấy ăn năn, hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 14/02/2022, tại gia đình chị Nguyễn Thị C, tại thôn T, xã , huyện T, tỉnh B; Nguyễn Văn K, Lê Văn C, Trần Văn D đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 49.900.000 đồng của chị Nguyễn Thị C.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn K phù hợp với: Bản kiểm điểm, Bản tường trình, Bản tự khai và lời khai của bị cáo Nguyễn Văn K và Lê Văn C, Trần Văn D, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn K và đồng phạm Lê Văn C, Trần Văn D

lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị C 49.900.000đồng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 174 Bộ Luật Hình sự. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Văn K đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an xã hội và bị dư luận quần chúng nhân dân lên án. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về động cơ, mục đích, tính chất, mức độ phạm tội, vai trò của bị cáo để cá thể hóa hình phạt thấy:

Nhằm chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Nguyễn Thị C nên bị cáo Nguyễn Văn K và Lê Văn C, Trần Văn D cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết tổ chức chặt chẽ giữa bị cáo Nguyễn Văn K và Lê Văn C, Trần Văn D trong việc thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn K là ít nghiêm trọng. Lê Văn C rủ bị cáo Nguyễn Văn K và Trần Văn D và cùng trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên giữ vai trò chính trong vụ án. Trần Văn D dùng ô tô của bản thân và trực tiếp mua hàng hóa đi lừa đảo nên giữ vai trò sau bị cáo C. Bị cáo Nguyễn Văn K cùng trực tiếp đi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo Nguyễn Văn K tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại thuộc điểm b điểm i điểm s khoản 01 Điều 51 BLHS.

Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn K, bố đẻ bị cáo Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Văn H có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba thuộc khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Sau khi xem xét vai trò, động cơ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K như vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa, đảm bảo việc đấu tranh phòng chống tội phạm và để bị cáo K lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Sau khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn K bị bắt truy nã, thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của TANDTC và mục 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của TANDTC. Do vậy, cần bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù có thời hạn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Bị cáo Nguyễn Văn K không có tài sản và không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 28/3/2022, gia đình Lê Văn C, Trần Văn D, Nguyễn Văn K đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị C số tiền 49.900.000 đồng, đến nay chị C không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

[8] Đối với vật chứng cần xử lý như sau: Áp dụng điểm a khoản 03 Điều 106 BLTTHS:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, số IMEI: 353338071877606, gắn sim số 0869.679.677, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng là tài sản của K, không liên quan đến việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với chiếc điện thoại của Nguyễn Văn K mà Lê Văn C liên lạc với nhau, rủ nhau chiếm đoạt tài sản K đã đánh rơi mất, K không xác định được rơi ở vị trí nào nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại này.

Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai gắn biển kiểm soát 88H - 012.38. Quá trình điều tra xác định là tài sản chung của Trần Văn D và vợ là chị Ngô Thị Ngọc L- sinh năm 2000, trú tại thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh V. Chị L không biết việc D sử dụng chiếc xe ô tô này đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Chị L không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra xác định hàng hóa mà các bị cáo C, D, K sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 14/02/2022 là hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ do D mua của người không quen biết bán hàng rong tại khu vực chợ ở thị trấn Thổ Tang, huyện V, tỉnh V. Do không biết tên, tuổi, địa chỉ của người bán hàng này nên Cơ quan điều tra không xác định được người bán số hàng hóa cho D là ai, ở đâu.

Anh Đoàn Thanh H là người chở hàng thuê đến nhà chị Nguyễn Thị C ngày 14/02/2022 nhưng anh H không biết việc Lê Văn C, Trần Văn D và Nguyễn Văn K

lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị C nên anh Đoàn Thanh H không vi phạm pháp luật.

[10] Đối với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Lê Văn C, Trần Văn D; Vật chứng do chị Nguyễn Thị C giao nộp vào ngày 24/3/2022 và chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 88H- 012.38 đã được Tòa án nhân huyện Tân Yên đưa ra xét xử tuyên bằng Bản án số 65/2022/HS-ST ngày 09/8/2022 và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tuyên bằng Bản án hình sự phúc thẩm số 171/2022/HSPT ngày 30/9/2022 nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 174, điểm b điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 03 Điều 106 BLTTHS:

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, số IMEI: 353338071877606, gắn sim số 0869.679.677. điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số: 16/QĐ-VKS, ngày 01/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hs, Vp.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh D